



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỔ TAY

**XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ**



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Những năm qua, hoạt động sản xuất tại các làng nghề đã thực sự đóng góp tích cực và có ý nghĩa về kinh tế - xã hội, đặc biệt gắn với xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn. Tuy vậy, ô nhiễm môi trường làng nghề có xu hướng lan rộng, diễn biến phức tạp, trở thành lực cản lớn đến sự ổn định và phát triển bền vững làng nghề tại nhiều địa phương.

Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) quy định các làng nghề phải đáp ứng các yêu cầu về BVMT. Tuy nhiên, nếu chỉ có những quy định pháp luật hiện hành thì công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các làng nghề rất khó mang lại kết quả mong đợi hướng tới phát triển ổn định kinh tế - xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xây dựng những hướng dẫn cụ thể giúp cho các làng nghề có cơ sở áp dụng vào thực tiễn.

Sổ tay **Xây dựng mô hình tổ chức quản lý bảo vệ môi trường làng nghề** tập trung vào những hướng dẫn cụ thể cho việc xây dựng mô hình tổ chức quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề để làm nguồn tài liệu cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau, đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương và người làm chính sách về môi trường làng nghề. Sổ tay được xây dựng với sự kết hợp của những kinh nghiệm thực tế thực hiện nghiên cứu, quản lý môi trường làng nghề và các lĩnh vực liên quan khác ở Việt Nam trong những năm qua từ khi có Luật Bảo vệ môi trường năm 1993.

Mục đích của Sổ tay

Cung cấp hướng dẫn cho việc xây dựng mô hình tổ chức quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

Phạm vi áp dụng của Sổ tay

Sổ tay hướng đến mô hình làng nghề cấp xã. Cụ thể, đối tượng sử dụng là cơ quan quản lý nhà nước cấp xã; người làm chính sách về môi trường làng nghề; các hộ trực tiếp sản xuất, các tổ tự quản bảo vệ môi trường cấp xã.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1
Danh mục chữ viết tắt	5
Danh mục hình vẽ	6
Danh mục bảng biểu	7
Phần 1. Làng nghề và quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề	8
1. Làng nghề	10
1.1. Sơ lược về làng nghề	10
1.2. Phân loại và đặc trưng sản xuất của các làng nghề	14
1.3. Vai trò của làng nghề trong sự phát triển kinh tế - xã hội	15
1.4. Những tồn tại trong quá trình phát triển làng nghề tác động tới môi trường	18
2. Quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề	22
2.1. Tầm quan trọng của quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề	22
2.2. Một số văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề	24
2.3. Việc tổ chức thực hiện quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề	28
Phần 2. Mô hình sơ đồ tổ chức thực hiện quản lý môi trường làng nghề	31

1. Sơ đồ tổ chức	32
2. Tổ chức thực hiện	33
Phần 3. Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan đến bảo vệ môi trường làng nghề	38
Phần 4. Huy động các nguồn lực trong bảo vệ môi trường làng nghề	45
1. Khuyến khích việc xã hội hoá công tác BVMT làng nghề	46
2. Khuyến khích và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong BVMT làng nghề	48
Phần 5. Lồng ghép nội dung cam kết bảo vệ môi trường trong các hương ước làng nghề	50
Phần 6. Điển hình về quy định quản lý môi trường làng nghề	55
Tài liệu tham khảo	66

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

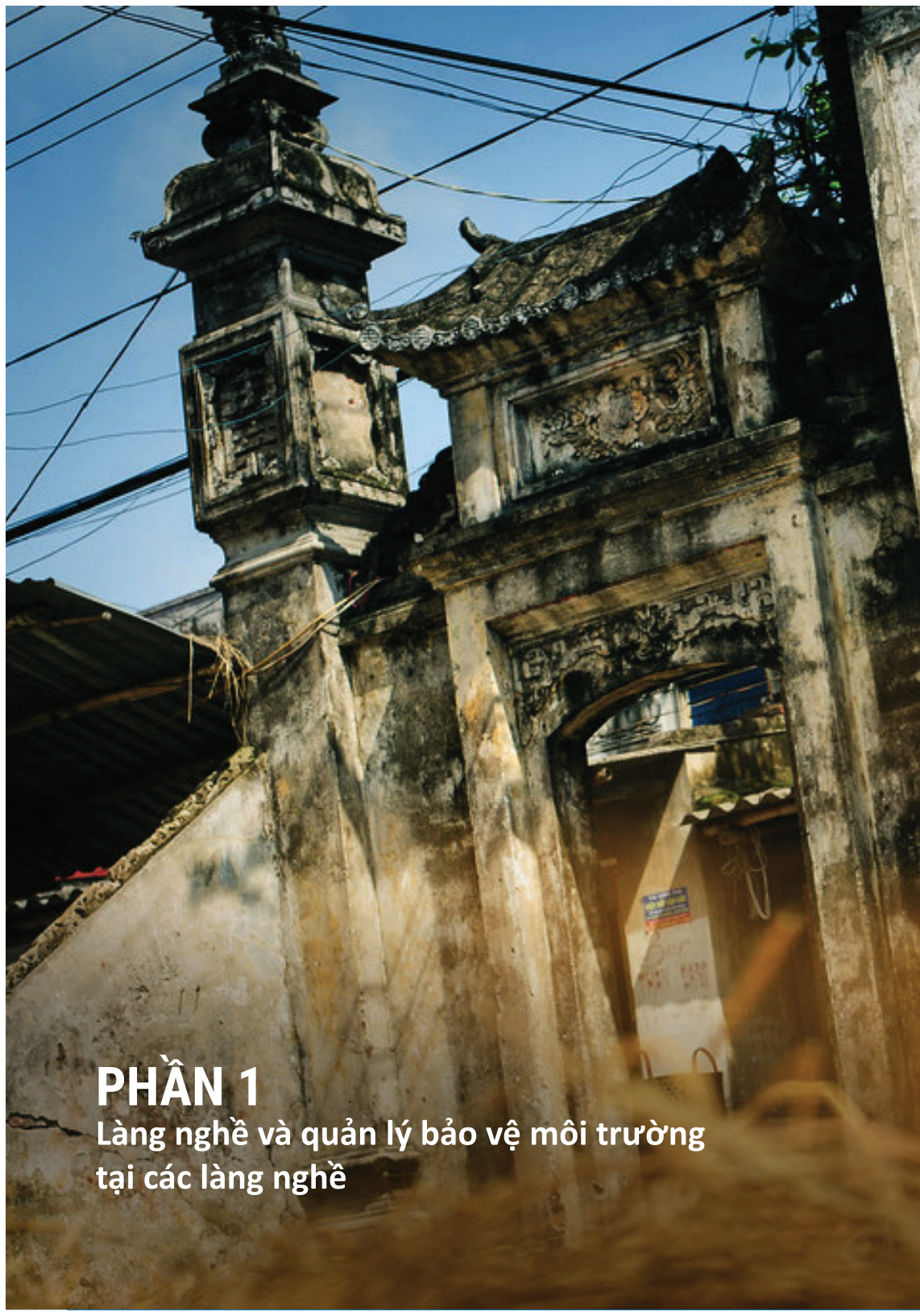
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCN	Cụm công nghiệp
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban Nhân dân
VSMT	Vệ sinh môi trường

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Làng nghề Gốm Phù Lãng (Phù Lãng, Quế Võ, Bắc Ninh)	12
Hình 2. Làng nghề truyền thống Chằm nón lá An Hiệp (An Ninh Đông, Đức Hòa, Long An)	12
Hình 3. Sơ đồ tổ chức thực hiện quản lý môi trường làng nghề cấp xã	33
Hình 4. Thanh niên tham gia cải thiện môi trường làng nghề	47
Hình 5. Mô hình tổ tự quản bảo vệ môi trường địa phương	49
Hình 6. Hương ước làng xã	53

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong quản lý môi trường làng nghề từ cấp huyện, xã trở xuống	40
--	----



PHẦN 1

Làng nghề và quản lý bảo vệ môi trường
tại các làng nghề



1. Làng nghề

1.1. Sơ lược về làng nghề

Làng nghề là một trong những đặc thù của nông thôn Việt Nam. Nhiều sản phẩm được sản xuất trực tiếp tại các làng nghề đã trở thành thương phẩm trao đổi, góp phần cải thiện đời sống gia đình và tận dụng những lao động dư thừa lúc nông nhàn. Đa số các làng nghề đã trải qua lịch sử phát triển hàng trăm năm, song song với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và nông nghiệp của đất nước. Nếu đi sâu vào tìm hiểu về nguồn gốc của các sản phẩm từ các làng nghề đó, có thể thấy rằng hầu hết các sản phẩm này ban đầu đều được sản xuất để phục vụ sinh hoạt hàng ngày hoặc là công cụ sản xuất nông nghiệp, chủ yếu được làm trong lúc nông nhàn. Kỹ thuật, công nghệ, quy trình sản xuất cơ bản để làm ra các sản phẩm này được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, xóm, làng, khu phố hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, phường, thị trấn tham gia hoạt động ngành nghề

nông thôn bao gồm: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; Sản xuất muối; Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

Làng nghề được công nhận là làng nghề đảm bảo các tiêu chí theo Khoản 3, Điều 5 của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Làng nghề được công nhận phải đạt 03 tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;
- Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.



**Hình 1 Làng nghề Gốm Phù Lãng
(Phù Lãng, Quế Võ, Bắc Ninh)**



**Hình 2 Làng nghề truyền thống Chằm nón lá An Hiệp
(An Ninh Đông, Đức Hòa, Long An)**

Trước đây, làng nghề không chỉ là trung tâm sản xuất sản phẩm thủ công mà còn là điểm văn hóa của khu vực, của vùng. Làng nghề là nơi hội tụ những thợ thủ công có tay nghề cao mà tên tuổi đã gắn liền với sản phẩm trong làng. Ngoài ra, làng nghề cũng chính là điểm tập kết nguyên vật liệu, là nơi tập trung những tinh hoa trong kỹ thuật sản xuất sản phẩm của làng. Các mặt hàng sản xuất ra không chỉ để phục vụ sinh hoạt hàng ngày mà còn bao gồm cả các sản phẩm mỹ nghệ, đồ thờ cúng, dụng cụ sản xuất... nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường khu vực lân cận.

Trong vài năm gần đây, làng nghề đang thay đổi nhanh chóng theo nền kinh tế thị trường, các hoạt động sản xuất tiểu thủ công phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu được tạo điều kiện phát triển. Quá trình công nghiệp hóa cùng với việc áp dụng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, thúc đẩy sản xuất tại các làng nghề đã làm tăng mức thu nhập bình quân của người dân nông thôn, các công nghệ mới đang ngày càng được áp dụng phổ biến. Các làng nghề mới và các cụm làng nghề không ngừng được khuyến

khích phát triển nhằm đạt được sự tăng trưởng, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định ở khu vực nông thôn.

1.2. Phân loại và đặc trưng sản xuất của các làng nghề

Dựa trên các tiêu chí khác nhau, có thể phân loại làng nghề theo một số dạng như sau:

- Theo làng nghề truyền thống và làng nghề mới;
- Theo ngành sản xuất, loại hình sản phẩm;
- Theo quy mô sản xuất, theo quy trình công nghệ;
- Theo nguồn thải và mức độ ô nhiễm;
- Theo mức độ sử dụng nguyên/nhiên liệu;
- Theo thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiềm năng tồn tại và phát triển.

Mỗi cách phân loại nêu trên có những đặc thù riêng và tùy theo mục đích mà có thể lựa chọn cách phân loại phù hợp. Trên cơ sở tiếp cận vấn đề môi trường làng nghề, cách phân loại theo ngành sản xuất và loại hình sản phẩm là phù hợp hơn cả, vì thực tế cho thấy mỗi ngành nghề, mỗi sản phẩm đều có những yêu cầu khác nhau về nguyên nhiên liệu, quy trình sản xuất khác nhau, nguồn và dạng chất thải khác nhau, vì vậy có

những tác động khác nhau đối với môi trường.

Dựa trên các yếu tố tương đồng về ngành sản xuất, sản phẩm, thị trường nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, có thể chia hoạt động làng nghề nước ta ra thành 6 nhóm ngành chính, mỗi ngành chính có nhiều ngành nhỏ, bao gồm: Làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ; Làng nghề dệt nhuộm, ươm tơ, thuộc da; Làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác đá; Làng nghề tái chế phế liệu; Làng nghề thủ công mỹ nghệ; các nhóm ngành khác. Mỗi nhóm ngành làng nghề có các đặc điểm khác nhau về hoạt động sản xuất sẽ gây ảnh hưởng khác nhau tới môi trường.

1.3. Vai trò của làng nghề trong sự phát triển kinh tế - xã hội

Sự phát triển của làng nghề trong những năm gần đây đã và đang góp phần đáng kể trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương, cải thiện và nâng cao đời sống của người dân làng nghề.

Tại các làng nghề, đại bộ phận dân cư làm nghề thủ công nhưng vẫn tham gia sản xuất nông nghiệp ở một mức độ nhất định. Tại nhiều làng nghề, trong cơ cấu kinh tế địa phương, tỷ

trọng ngành công nghiệp và dịch vụ đạt từ 60 - 80% và ngành nông nghiệp chỉ đạt 20 - 40%. Trong khoảng 20 năm gần đây, số hộ và cơ sở ngành nghề ở nông thôn đang ngày một tăng lên với tốc độ tăng bình quân từ 8,8 - 9,8%/năm, kim ngạch xuất khẩu từ các sản phẩm làng nghề không ngừng gia tăng. Chính vì vậy, có thể thấy, làng nghề đóng vai trò rất quan trọng đối với việc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, trực tiếp giải quyết việc làm cho người lao động trong lúc nông nhàn, góp phần tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động [3].

- Thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia: kinh tế cá thể chiếm 72%, kinh tế tập thể 18%, doanh nghiệp tư nhân 10%.

- Thu hút tới 11 triệu lao động, chiếm khoảng 30% lực lượng lao động nông thôn. Tỷ lệ thời gian làm việc được sử dụng lao động trong độ tuổi của khu vực nông thôn ước tính khoảng 80%.

- Nhiều Hiệp hội, Hội nghề nghiệp, Câu lạc bộ nghề nghiệp được thành lập: Hiệp hội làng nghề Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành nghề nông thôn...

- Hình thành các trung tâm giao lưu buôn bán, cụm dân cư

với lối sống đô thị tại nông thôn.

Trên thực tế, quy mô làng nghề nhìn chung thường nhỏ, chưa thực hiện được cơ chế thu hút lao động có tay nghề cao, đối với các làng nghề sản xuất theo thời vụ thì thường chỉ sản xuất vào lúc nông nhàn. Tuy nhiên, hiện nay ở những vùng sản xuất lớn, lao động trong các làng nghề làm việc hầu như quanh năm, với quy mô phát triển ngày càng lớn.

Lợi ích của việc phát triển làng nghề không chỉ là ở kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động địa phương mà còn góp phần bảo tồn được giá trị văn hoá lâu dài. Điểm chung của nhiều làng nghề là thường nằm trên trục giao thông đường bộ hay đường sông. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các điểm/tuyến du lịch lý hành. Ngoài những lợi thế như cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa lý, nét văn hoá đặc sắc, các làng nghề còn có sức hút đặc biệt bởi mỗi làng lại gắn với một vùng văn hoá hay một hệ thống di tích lịch sử. Bên cạnh đó, khách tham quan còn được tận mắt theo dõi quá trình sản xuất ra các sản phẩm, thậm chí là tham gia thực hành vào một khâu sản xuất nào đó, chính điều này tạo nên sức hấp dẫn của du lịch làng nghề.

Nhận thức được tiềm năng phát triển du lịch tại làng nghề sẽ góp phần gia tăng tỷ trọng của nhóm ngành công nghiệp/dịch vụ ở địa phương, đồng thời tăng thêm cơ hội cho các cơ sở sản xuất thông qua các hoạt động giới thiệu và bán sản phẩm truyền thống, nâng cao đời sống người dân thông qua các dịch vụ phụ trợ...

1.4. Những tồn tại trong quá trình phát triển làng nghề tác động tới môi trường

Bên cạnh mặt tích cực, sự phát triển hoạt động sản xuất tại làng nghề cũng mang lại nhiều bất cập, đặc biệt về vấn đề môi trường và xã hội. Những tồn tại từ nhiều năm qua trong quá trình phát triển làng nghề có thể coi là một trong những nguyên nhân làm cho chất lượng môi trường nhiều làng nghề ngày càng suy giảm, ảnh hưởng không nhỏ không chỉ tới sự phát triển sản xuất bền vững ở làng nghề, mà của cả nền kinh tế đất nước. Đó là:

1. Quy mô sản xuất nhỏ, phần lớn ở quy mô hộ gia đình (chiếm 72% tổng số cơ sở sản xuất)

Quy mô sản xuất tại nhiều làng nghề là quy mô nhỏ, khó

phát triển vì mặt bằng sản xuất chật hẹp xen kẽ với khu vực sinh hoạt. Sản xuất càng phát triển thì nguy cơ lấn chiếm khu vực sinh hoạt, phát thải ô nhiễm tới khu dân cư càng lớn, dẫn đến chất lượng môi trường khu vực càng xấu đi.

2. Nếp sống tiểu nông của người chủ sản xuất nhỏ có nguồn gốc nông dân đã ảnh hưởng mạnh tới sản xuất tại làng nghề, làm tăng mức độ ô nhiễm môi trường

Không nhận thức được tác hại lâu dài của ô nhiễm, chỉ quan tâm đến lợi nhuận trước mắt, các cơ sở sản xuất tại làng nghề thường lựa chọn quy trình sản xuất thô sơ tận dụng nhiều sức lao động, trình độ thấp. Hơn thế, nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, nhiều cơ sở sản xuất còn sử dụng các nhiên liệu rẻ tiền, hoá chất độc hại (kể cả đã cấm sử dụng), không đầu tư phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động, không đảm bảo điều kiện lao động nên đã làm tăng mức độ ô nhiễm tại đây.

3. Quan hệ sản xuất mang đặc thù của quan hệ gia đình, dòng tộc, làng xã

Nhiều làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống, sử dụng lao động có tính gia đình, sản xuất theo kiểu “bí truyền”,

giữ bí mật cho dòng họ, tuân theo “hương ước” không cải tiến áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật nên đã cản trở việc áp dụng giải pháp kỹ thuật mới, không khuyến khích sáng kiến mang lại hiệu quả BVMT của người lao động.

4. Công nghệ sản xuất và thiết bị phần lớn ở trình độ lạc hậu chấp vá, kiến thức tay nghề không toàn diện dẫn tới tiêu hao nhiều nhiên nguyên liệu, làm tăng phát thải nhiều chất ô nhiễm môi trường nước, đất, khí ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm và chất lượng môi trường. Trình độ kỹ thuật ở các làng nghề chủ yếu là thủ công, bán cơ khí, hoàn toàn chưa có làng nghề nào có áp dụng tự động hoá.

5. Vốn đầu tư của các cơ sở sản xuất tại các làng nghề quá thấp, khó có điều kiện phát triển hoặc đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường

Sản xuất mang tính tự phát, không có kế hoạch lâu dài, nên khó huy động tài chính và vốn đầu tư lớn từ các nguồn khác (quỹ tín dụng, ngân hàng). Do đó, các cơ sở sản xuất làng nghề khó có thể chủ động trong đổi mới kỹ thuật và công nghệ, lại càng không thể đầu tư cho xử lý môi trường.

6. Trình độ người lao động chủ yếu là lao động thủ công và học nghề, thiếu kiến thức và hiểu biết về BVMT

Theo điều tra của Bộ NN&PTNN thì chất lượng lao động và trình độ chuyên môn kỹ thuật ở các làng nghề nhìn chung còn thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, số lao động chỉ tốt-nghiep cấp I, II chiếm trên 60% [3]. Mặt khác đa số người lao động chỉ cần việc làm có thu nhập cao hơn thu nhập từ nông nghiệp hoặc bổ sung thu nhập trong những lúc nông nhàn, nên ngại học hỏi, không quan tâm tới BVMT...

7. Nhiều làng nghề chưa quan tâm tới xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho BVMT

Cạnh tranh trong một số loại hình sản xuất đã thúc đẩy một số làng nghề đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất. Tuy nhiên đây không phải là đầu tư cho kỹ thuật bảo vệ môi trường. Vì vậy hầu hết các cơ sở sản xuất trong làng nghề đều không có các hệ thống xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.

Hầu hết các làng nghề không có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu gom và xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường, như không có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, không có bãi

chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, không chú ý đầu tư phương tiện thu gom quản lý chất thải nguy hại. Đây là một thách thức lớn vì để khắc phục điều này đòi hỏi nhiều kinh phí và thời gian.

2. Quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề

2.1. Tầm quan trọng của quản lý bảo vệ môi trường tại các làng nghề

Có thể thấy trong những năm gần đây, môi trường làng nghề đang nổi lên như một vấn đề nóng hổi, cấp bách. Cùng với việc gia tăng phát triển cả về số lượng làng nghề và loại ngành nghề, ô nhiễm môi trường cũng ngày càng tăng, nhiều nơi vượt quá tầm kiểm soát của các cấp chính quyền. Nhận thức được vấn đề đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản trong đó quy định về vấn đề bảo vệ môi trường làng nghề. Ở góc độ văn bản qui phạm pháp luật, Luật BVMT các năm 2005, 2014, 2020 và hàng loạt văn bản dưới luật đã nêu trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của các bên liên quan trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề từ trung ương đến địa phương. Một số địa phương có làng nghề cũng đã chú ý đến việc ban hành các văn bản liên quan nhằm cụ thể hoá đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ ở địa phương mình.

Ở mức độ triển khai thực tế, hàng loạt các chính sách biện pháp cụ thể đã được đề ra và áp dụng ở các mức khác nhau tại các làng nghề trong cả nước. Tại nhiều tỉnh đã có quy hoạch không gian làng nghề với mục đích tập trung các hộ sản xuất trong một quần thể với hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tốt, có các hệ thống xử lý chất thải tập trung, nhằm hạn chế mức độ ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất trong làng nghề. Một số làng nghề đã từng bước ứng dụng sản xuất sạch hơn và các công nghệ xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đầu tư về tài chính cho BVMT làng nghề đã bắt đầu được chú ý. Một số hướng dẫn hỗ trợ kinh phí, giảm thuế, ưu đãi tín dụng đã được ban hành. Từ 2007, Quỹ BVMT Việt Nam đã bắt đầu cho vay với lãi suất ưu đãi đối với một số dự án về xử lý chất thải làng nghề, nghiên cứu và triển khai các công nghệ thân thiện môi trường. Nhà nước cũng đã có chủ trương triển khai mạnh mẽ công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường làng nghề, huy động sự tham gia tích cực của chính bản thân người dân, người sản xuất. Nhiều hương ước đã ra đời tại các làng nghề, nhiều tổ chức tự nguyện hoạt động BVMT với sự đóng góp tài chính của các hộ sản xuất đã hoạt động hiệu quả.

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng quản lý môi trường làng nghề vẫn đang còn có nhiều tồn tại, bất cập chưa được giải quyết ở các mức độ và cấp độ quản lý khác nhau. Đây chính là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho môi trường tại nhiều làng nghề trong thời gian qua chưa được cải thiện, có nhiều nơi xuống cấp nghiêm trọng, đòi hỏi cần thiết phải đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý môi trường tại các làng nghề.

2.2. Một số văn bản quy phạm pháp luật về BVMT làng nghề

- ◊ Luật BVMT năm 2020 đưa ra các điều kiện bảo vệ môi trường đối với làng nghề, các cơ sở sản xuất tại làng nghề cùng với đó là trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ môi trường. Nội dung cụ thể được qui định ở Điều 56:

Điều 56. Bảo vệ môi trường làng nghề

- 1. Làng nghề phải có phương án bảo vệ môi trường, có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và hạ tầng bảo vệ môi trường. Hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề bao gồm:*
 - a) Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề;*

b) Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

c) Có điểm tập kết chất thải rắn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; khu xử lý chất thải rắn (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý chất thải rắn hoặc có phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn nằm ngoài địa bàn.

2. Cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải xây dựng và thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, bức xạ nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này và tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Lập, triển khai thực hiện phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn;

b) Hướng dẫn hoạt động của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

a) Tổng hợp nhu cầu ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề;

b) Chỉ đạo, triển khai thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề gắn với bảo vệ môi trường;

b) Bố trí ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường

làng nghề;

c) Chỉ đạo, tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn;

d) Chỉ đạo xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề;

đ) Có kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi khu dân cư, làng nghề.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

- ◇ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường CCN, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đưa vào Chương III để quy định về bảo vệ môi trường làng nghề gồm 06 điều từ Điều 12 đến Điều 17, cụ thể như sau:

Điều 12. Điều kiện về bảo vệ môi trường làng nghề.

Điều 13. Đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường.

Điều 14. Biện pháp quản lý đối với làng nghề ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ sở trong làng nghề.

2.3. Việc tổ chức thực hiện quản lý BVMT tại các làng nghề

Phát triển bền vững là quan điểm chung đối với mọi sự phát triển ở nước ta, trong đó có làng nghề. Phát triển bền vững đã được khẳng định trong chủ trương, đường lối phát triển của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa do Đảng và Nhà nước đưa ra. Đối với phát triển ngành nghề ở nông thôn, yêu cầu phát triển bền vững cũng được khẳng định trong các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cấp chính quyền. Các làng nghề cần được định hướng phát triển bền vững, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế, tạo ra công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn.

Để phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy

mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”, trong phát triển sản xuất, kinh doanh ở các làng nghề thì BVMT phải được kết hợp hài hòa và hướng tới cải thiện môi trường. Sự hài hòa này có nghĩa là: một, không hy sinh lợi ích môi trường cho lợi ích kinh tế trước mắt; hai, các lợi ích từ sản xuất, kinh doanh cần được chia sẻ cho hoạt động bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững chung của làng nghề, bao gồm cả cộng đồng dân cư xung quanh.

Cụ thể hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước về BVMT trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước coi “BVMT là nhiệm vụ của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, cộng đồng và của mọi người dân”, BVMT làng nghề phải là trách nhiệm chung của chính quyền các cấp, địa phương, của cộng đồng sản xuất, kinh doanh và của cộng đồng dân cư làng nghề. Chính quyền các cấp ở địa phương có vai trò

chủ động trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về BVMT, hỗ trợ và dẫn dắt các hoạt động BVMT ở làng nghề. Trách nhiệm của cộng đồng sản xuất, kinh doanh làng nghề bao gồm trách nhiệm của bản thân cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với BVMT theo luật định (thuế, phí BVMT, quy chuẩn môi trường...) và chia sẻ trách nhiệm cải thiện môi trường với cộng đồng dân cư xung quanh. Bên cạnh đó, trách nhiệm của cộng đồng dân cư làng nghề không chỉ giới hạn ở sự tự giác trong ý thức, nhận thức về BVMT mà còn cả trong hành động, trong tham gia các hoạt động BVMT ở địa phương.

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương đã nêu, để giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề cần phải áp dụng tổng hợp các giải pháp quản lý như ban hành các chính sách, pháp luật về BVMT làng nghề, quy hoạch môi trường, quan trắc, kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề, giáo dục nâng cao nhận thức kết hợp với các giải pháp kỹ thuật như áp dụng sản xuất sạch hơn, xử lý ô nhiễm. Bên cạnh đó cần chú ý kết hợp các biện pháp mang tính khuyến khích các hoạt động BVMT và các biện pháp, chế tài nhằm hạn chế, ngăn cấm các hành vi gây tổn hại tới môi trường làng nghề.



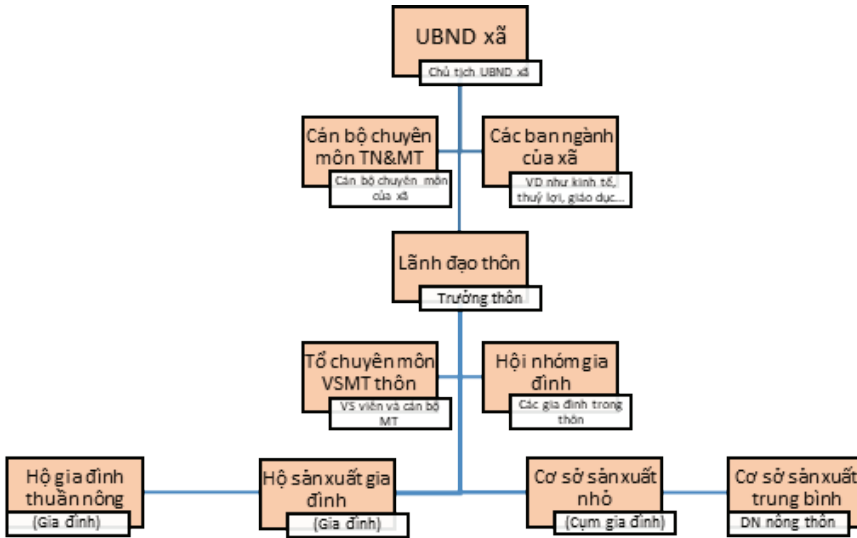
PHẦN 2

Mô hình sơ đồ tổ chức thực hiện quản lý
môi trường làng nghề

1. Sơ đồ tổ chức

Các cơ quan, chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn sau đây gọi tắt là cấp xã) đóng vai trò quyết định trong công tác BVMT làng nghề. Chính vì vậy, nên lấy quản lý cấp xã là nòng cốt trong hệ thống quản lý môi trường các làng nghề, vì tại cấp xã, các cán bộ quản lý có thể đi sát hoạt động của từng hộ gia đình để thực hiện hiệu quả các giải pháp quản lý. Mô hình này xây dựng dựa trên cơ sở Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Hệ thống quản lý môi trường cấp xã được thể hiện trên Hình 3.



Hình 3. Sơ đồ tổ chức thực hiện quản lý môi trường làng nghề cấp xã

2. Tổ chức thực hiện

Với hướng tiếp cận như trên, cần thiết phải xây dựng, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về BVMT cho các tổ chức, bộ phận chuyên môn có liên quan ở cấp xã và cấp thôn, bản.

Phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan/cá nhân thực hiện:

Quy định rõ chức năng và nhiệm vụ các tổ chức, cá nhân trong quản lý môi trường làng nghề. Tăng cường sự phối hợp xử lý trong lĩnh vực quản lý môi trường làng nghề giữa UBND

cấp xã với UBND cấp huyện, tỉnh. UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện bảo vệ môi trường địa phương và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước, của UBND các cấp tỉnh, huyện, xã về công tác BVMT trên địa bàn.

Tăng cường nhân lực cho BVMT làng nghề:

Bổ sung cơ cấu cán bộ cho các tổ chức, bộ phận chuyên môn có liên quan ở cấp xã và cấp thôn, bản: mỗi xã có làng nghề cần có một cán bộ quản lý về môi trường, mỗi thôn (làng) có một cán bộ vệ sinh môi trường. Nếu ước tính cả nước có khoảng 500 xã có làng nghề (trung bình 1 xã có 3 - 4 làng nghề) thì cần bố trí 500 cán bộ phụ trách môi trường có trình độ đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành môi trường cho các xã và khoảng 2.000 cán bộ vệ sinh môi trường cấp thôn.

Các tỉnh có làng nghề cần rà soát nhu cầu về cán bộ phụ trách môi trường cấp xã để xây dựng kế hoạch bổ sung cán bộ hàng năm và tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về môi trường để đáp ứng yêu cầu về số lượng và trình độ, phấn đấu sau 3 đến 5 năm thì có đủ số cán bộ theo yêu cầu.

Tổ chức các lớp đào tạo giảng viên đối với các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về môi trường cho các cán bộ

quản lý môi trường các cấp và các lớp tập huấn nâng cao nhận thức môi trường cho cộng đồng để có phương pháp và nội dung sát thực, phù hợp với mục tiêu tập huấn đặt ra.

Tăng cường hoạt động giám sát môi trường làng nghề và thực hiện kiểm kê nguồn thải:

Các Sở TN&MT cần xây dựng kế hoạch định kỳ giám sát môi trường ở một số làng nghề điển hình ở địa phương mình, đặc biệt đối với các địa phương có tập trung nhiều làng nghề như Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Đồng Nai... để có số liệu đánh giá diễn biến môi trường làng nghề với các loại hình sản xuất điển hình.

Tăng cường kiểm kê phát thải từ các nguồn thải tại các làng nghề để quản lý được các thông tin về tổng lượng thải và tải lượng ô nhiễm của các chất thải.

Tăng cường giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất phát triển mở rộng tại các làng nghề, yêu cầu các cơ sở này thực hiện cam kết BVMT để đảm bảo các đầu tư này theo hướng công nghệ thân thiện với môi trường. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về BVMT trong cam kết BVMT của các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

Tăng cường giám sát các khu/cụm công nghiệp làng nghề hiện có và mới thành lập, yêu cầu các khu/cụm công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống quản lý chất thải rắn, hệ thống quản lý môi trường của khu/cụm công nghiệp làng nghề.

Kinh phí cho các hoạt động này có thể lấy từ ngân sách chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường của địa phương và do các chủ cơ sở sản xuất đóng góp.

Triển khai áp dụng các công cụ kinh tế như phí BVMT đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn đối với làng nghề:

Sở TN&MT cần hướng dẫn bằng văn bản cho cấp huyện, xã cách lập biểu thống kê các nguồn thải và thải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải, nước thải, chất thải rắn của các cơ sở sản xuất trong làng nghề ở địa phương theo phương pháp tính trung bình lượng sản phẩm sản xuất/ngày, từ đó tính phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn và sắp tới tính phí BVMT đối với khí thải.

Tăng cường cưỡng chế thực thi pháp luật trong BVMT

làng nghề:

Tăng cường công cụ pháp luật, bắt buộc các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến BVMT. Đối với các hành vi thải, đổ chất thải ra môi trường vượt quá quy chuẩn cho phép, gây tác động xấu tới sức khỏe cộng đồng và ảnh hưởng tới cây trồng vật nuôi, chính quyền địa phương cần đề ra thời gian xử lý và thực hiện xử phạt theo qui định của nhà nước và địa phương.

Tăng cường công cụ thông tin trong BVMT làng nghề:

Tuyên truyền phổ biến pháp luật BVMT, phổ biến các quy chuẩn môi trường trong các nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng tại các làng nghề để có thể dễ dàng triển khai thi hành pháp luật.

Tăng cường thu thập thông tin, số liệu, tạo lập các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, trao đổi, chia sẻ, công bố thông tin, số liệu môi trường làng nghề. Đưa các thông tin đã có của các đề tài, dự án nghiên cứu về làng nghề lên các phương tiện truyền thông như trang web, đài, báo nhằm tránh đầu tư trùng lặp.



PHẦN 3

Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan
đến bảo vệ môi trường làng nghề



Bảng 1 mô tả chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong quản lý môi trường làng nghề từ cấp huyện, xã trở xuống.

Bảng 1. Chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong quản lý môi trường làng nghề từ cấp huyện, trở xuống

TT	Tổ chức/cá nhân	Chức năng, nhiệm vụ
1	Cấp xã	
	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none">- Lập, triển khai thực hiện phương án bảo vệ môi trường cho làn nghề trên địa bàn;- Hướng dẫn hoạt động của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề. <p>Một số nhiệm vụ cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none">◇ Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước, của UBND các cấp tỉnh, huyện, xã về công tác BVMT trên địa bàn.

		<ul style="list-style-type: none">◊ Lựa chọn, bố trí khu tập kết rác thải của xã.◊ Đưa ra các biện pháp xử phạt hành chính cụ thể đối với những hành vi đổ rác bừa bãi ra môi trường trên cơ sở thực hiện Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính.
	Bộ phận chuyên trách TNMT xã (hay Tổ tự quản về BVMT và hạ tầng về BVMT)	<ul style="list-style-type: none">- Tham mưu xây dựng các văn bản, lập kế hoạch BVMT cấp xã.- Kết hợp với các bộ phận chuyên trách khác trong xã xây dựng kế hoạch hằng năm về BVMT của xã, trình lên UBND xã phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch, lập báo cáo hàng năm cho UBND xã về tình hình thực hiện công tác BVMT trong xã.- Phối hợp với cán bộ VSMT cấp thôn trong việc hướng dẫn thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Luật BVMT và các quy định

		<p>của UBND cấp tỉnh, huyện, xã về BVMT.</p> <ul style="list-style-type: none">- Phối hợp với cán bộ VSMT cấp thôn trong việc tổ chức thực hiện công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về BVMT cho các tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong xã.
2	Cấp thôn	
	Trưởng thôn, cán bộ phụ trách VSMT thôn	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng, cụ thể hoá các quy định về BVMT trên địa bàn thôn dưới dạng các hương ước, quy ước, quy định về BVMT.- Lập báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình BVMT thôn cho UBND xã.- Trợ giúp cán bộ VSMT của xã, huyện, tỉnh, nhà nước trong việc hướng dẫn, kiểm tra thực hiện BVMT của thôn.- Tham gia tổ chức công tác truyền thông, giáo dục nâng cao ý thức BVMT cho nhân dân trong thôn.
	Tổ VSMT thôn	<ul style="list-style-type: none">- Thu gom rác thải ở thôn tới bãi

		<p>tập kết của xã.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nạo vét cống rãnh thoát nước.
	Hộ sản xuất ở làng nghề	<ul style="list-style-type: none">- Có các quy định về an toàn lao động, VSMT ở cơ sở sản xuất.- Tuân thủ các quy định về BVMT của nhà nước cấp trung ương và địa phương (tỉnh, huyện, xã, thôn).- Áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải để giảm thiểu ô nhiễm do cơ sở mình gây ra.- Đóng phí BVMT do nhà nước qui định.- Đóng góp nhân lực và kinh phí trong BVMT thôn (tự nguyện).
	Hộ gia đình	<ul style="list-style-type: none">- Tuân thủ các quy định về VSMT của thôn, xã.
3	Cấp tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể (Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh...)	<ul style="list-style-type: none">- Tham gia công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức VSMT của nhân dân trong thôn.- Tham gia các hoạt động VSMT của thôn.

UBND cấp huyện, tỉnh có trách nhiệm thực hiện đúng theo Khoản 5 và 6, Điều 56, Luật BVMT năm 2020. UBND cấp xã ngoài việc chỉ đạo thực hiện như chức năng, nhiệm vụ nêu trong bảng 1, có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý bảo vệ môi trường của xã tới UBND cấp huyện, tỉnh theo yêu cầu tại địa phương, phối hợp xử lý trong các lĩnh vực chuyên môn liên quan.



PHẦN 4

Huy động các nguồn lực xã hội trong
bảo vệ môi trường làng nghề

1. Khuyến khích việc xã hội hoá công tác BVMT làng nghề

Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và phổ biến lồng ghép nội dung BVMT trong hương ước của làng xã. Các nội dung cần phổ biến bao gồm:

- Luật BVMT, các chính sách, văn bản liên quan tới BVMT làng nghề và các quy chuẩn môi trường của Việt Nam;
- Hoạt động sản xuất của làng nghề, các chất thải phát sinh, mức độ ô nhiễm so với quy chuẩn môi trường;
- Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường làng nghề tới sức khoẻ của cộng đồng, sản xuất nông nghiệp, cảnh quan...;
- Các loại phí môi trường bắt buộc: phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn, khí thải và các quy định xử phạt hành chính;
- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng cho làng nghề: sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải và những kinh nghiệm tốt ở các làng nghề tương tự;
- Cơ chế hỗ trợ tài chính, cách tiếp cận vay vốn trong các hoạt động liên quan đến đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải trong sản xuất.

Hương ước làng xã là công cụ quản lý môi trường hữu hiệu ở nông thôn, lực lượng tham gia chủ yếu phải là chính những người dân trong làng nghề ở các hộ sản xuất, các hộ dân cư và các đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... Hương ước thay đổi định kỳ cho phù hợp với sự thay đổi của làng xã.



Hình 4. Thanh niên tham gia cải thiện môi trường làng nghề

2. Khuyến khích và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong BVMT làng nghề

BVMT làng nghề phải do chính các chủ cơ sở sản xuất, các cộng đồng dân cư trong làng nghề tham gia. Huy động cộng đồng tham gia BVMT làng nghề cần bao gồm cả các hình thức:

- Huy động bắt buộc: Người gây ô nhiễm phải đóng góp hoặc chi trả kinh phí cho việc khắc phục ô nhiễm (thực hiện Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí BVMT đối với nước thải, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu);

- Huy động tự nguyện: Huy động những người được hưởng thụ lợi ích môi trường đóng góp vào công tác BVMT bằng các hình thức: đóng góp sức lao động của các hộ gia đình, các cơ quan trường học... vào các hoạt động như vệ sinh ngõ, xóm, khai thông cống nước thải...; đề nghị chính quyền các cấp cho phép dành một tỷ lệ nhất định ngày lao động công ích theo luật định (pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích) cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho BVMT như hệ thống thoát nước thải, bãi chôn lấp chất thải rắn của địa phương;

- Huy động hợp tác: Huy động, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho làng nghề, xây dựng

các thiết bị xử lý chất thải, thành lập các hợp tác xã quản lý chất thải, thực hiện theo hướng “nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Các hoạt động tham gia của cộng đồng có thể bao gồm:

- Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ nơi sản xuất, nơi sinh hoạt, giữ sạch sẽ đường làng ngõ xóm;
- Tổ chức, khai thông, định kỳ nạo vét cống rãnh;
- Tham gia chương trình nước sạch;
- Thu gom rác đúng nơi quy định của làng xã, không đổ bừa bãi rác thải ra nơi công cộng;
- Tận thu chất thải sản xuất như xây hầm biogas, tận dụng xơ sắn, dong giềng làm thức ăn gia súc...



Hình 5. Mô hình tổ tự quản bảo vệ môi trường địa phương



PHẦN 5

Lồng ghép nội dung cam kết bảo vệ môi trường
trong các hương ước làng nghề



Hương ước làng xã là công cụ quản lý môi trường hữu hiệu ở nông thôn. Hương ước, quy ước bảo vệ môi trường làng nghề được xây dựng và thực hiện theo Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, thực hiện quy ước, hương ước của làng, bản, thôn ấp, cụm dân cư. Một số nội dung chính của Hương ước có thể bao gồm:

Mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước: nhằm vận động nhân dân giữ vệ sinh môi trường, xoá bỏ hủ tục và nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn làng xóm xanh, sạch đẹp.

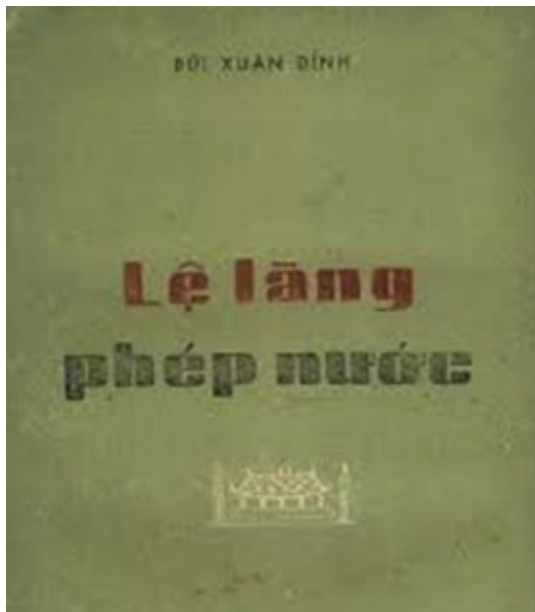
Những qui định chung: Quyền lợi và nghĩa vụ của người dân trong thực hiện hương ước, quy định đối với trưởng thôn và Ban xây dựng nếp sống văn hoá của thôn trong việc điều hành thực hiện hương ước.

Những quy định cụ thể về BVMT: Quy định về thu gom, thải bỏ và xử lý chất thải rắn ; Quy định về thoát nước và xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, sử dụng nguồn nước sinh hoạt; Quy định về xử lý khí thải sản xuất, tiếng ồn; Quy định bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học như không mua bán động vật quý hiếm, không dùng thuốc nổ, thuốc độc, xung điện đánh bắt cá...; Tham gia tổng vệ sinh làm sạch đường làng ngõ xóm định kỳ và các ngày trước lễ tết, Ngày Môi trường thế giới...

Khen thưởng: Là tiêu chí xét công nhận gia đình văn hoá, tuyên dương, khen thưởng cá nhân gia đình thực hiện tốt Hương ước theo quy định của thôn.

Kỷ luật: Phê bình, phạt theo quy định của thôn.

Hương ước được người dân trong thôn bàn bạc và thống nhất thực hiện.



Hình 6. Hương ước làng xã

Do đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân cư và đặc điểm của sản xuất làng nghề ở mỗi địa phương có nhiều khác nhau nên rất khó để xây dựng một quy định cụ thể chung để áp dụng cho tất cả các khu vực, các xã. Tuy vậy, những vấn đề chung,

những nội dung có tính nguyên tắc và phổ biến thì hoàn toàn có thể phù hợp cho tất cả các địa phương.

Việc thực hiện quy định BVMT tại các làng nghề nhằm góp phần giáo dục, nâng cao nhận thức, tính tự giác, tạo lập thói quen để người dân có ý thức bảo vệ môi trường, đồng thời nắm bắt kịp thời thực trạng và nguy cơ ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất gây ra để có biện pháp xử lý kịp thời, tạo cảnh quan môi trường sống xanh - sạch - đẹp, từ đó ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xoá bỏ các hoạt động có ảnh hưởng xấu.

Đối tượng và phạm vi áp dụng của quy định: Tất cả các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sống trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia hoạt động sản xuất trong làng nghề.

Nội dung quy định: Quy định cụ thể đối với các hoạt động sản xuất phát sinh chất thải ảnh hưởng tới môi trường đồng thời xây dựng các quy định về xử phạt, khen thưởng đối với những tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện tốt.

Về tổ chức thực hiện: Cụ thể hoá trách nhiệm của các cấp chính quyền, cơ quan quản lý chuyên ngành, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất tại làng nghề.

Quy định cam kết về bảo vệ môi trường lồng ghép trong các hương ước làng nghề có thể được tham khảo như nội dung của phần 6 của Sổ tay này.



PHẦN 6

Điển hình về quy định quản lý môi trường
làng nghề

Dưới đây là một điển hình về quy định quản lý môi trường tại một làng nghề. Các làng nghề tùy theo phạm vi, quy mô và đặc thù riêng có thể phát triển và cụ thể hoá để phù hợp với thực tế nhằm tăng cường tính hiệu quả của hoạt động quản lý môi trường trên địa bàn.

Chương I: Những quy định chung

Điều 1: Quy định chung

Quy định này được xây dựng trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2020 cùng các văn bản pháp quy về quản lý, bảo vệ môi trường.

Quy định này quy định về bảo vệ môi trường tại làng nghề (tên làng nghề); trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường.

Điều 2: Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã); Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn hoạt động trên địa

bàn làng nghề bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở).

Điều 3: Mục tiêu, yêu cầu của công tác quản lý môi trường tại làng nghề

3.1. Mục tiêu

- Góp phần nâng cao nhận thức và tính tự giác của người dân trong hoạt động sản xuất tại làng nghề, vệ sinh làng xóm và vệ sinh trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.
- Tạo lập thói quen, nề nếp, kỷ cương trong việc quản lý môi trường, nắm bắt kịp thời thực trạng và nguy cơ ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất để có biện pháp xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ các hoạt động có ảnh hưởng xấu, kéo dài tới sức khỏe con người và tác động nghiêm trọng tới môi trường.

3.2. Yêu cầu của công tác quản lý môi trường làng nghề

- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa chính quyền xã với các cơ quan ban ngành, các tổ chức quần chúng (Đoàn Thanh

niên, Hội Phụ nữ...) trong việc quản lý môi trường tại làng nghề.

- Phối hợp thường xuyên giữa chính quyền địa phương và các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất; nắm bắt kịp thời tình hình ô nhiễm môi trường do chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các cơ sở, từ đó có các biện pháp quản lý và xử lý kịp thời, thỏa đáng đối với các trường hợp vi phạm.

- Liên hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của huyện, tỉnh trong quản lý và tổ chức thực hiện quản lý môi trường làng nghề.

Điều 4: Công tác quản lý môi trường làng nghề đặt dưới sự chỉ đạo quản lý thống nhất của chính quyền xã, đặc biệt là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về môi trường của xã. Cán bộ quản lý về môi trường có trách nhiệm chỉ đạo công tác quản lý môi trường theo đúng nội dung Quy định đã đưa ra. Cuối mỗi kỳ họp, chính quyền xã thông báo về tình hình công tác thu gom xử lý chất thải phát sinh của các hộ gia đình, cơ sở sản xuất cũng như những hộ gia đình, cơ sở sản xuất xuất sắc hay cá nhân vi phạm, để có hình thức nêu gương cũng như xử lý các trường hợp sai phạm.

Điều 5: Việc xử lý, xử phạt được áp dụng theo thẩm quyền đã quy định tại pháp lệnh về xử phạt từ cảnh cáo đến phạt

tiền áp dụng cho chính quyền cấp xã. Trong trường hợp cần thiết có thể báo cáo lên huyện qua Văn phòng hoặc phòng Tài nguyên – Môi trường để xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo huyện.

Chương II: Những quy định cụ thể

Điều 6: Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất có trách nhiệm thu gom, xử lý, quản lý chất thải phát sinh tại cơ sở; khuyến khích việc tận dụng, tái sử dụng các phế phẩm; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên hướng tới sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Điều 7: Giảm thiểu tối đa chất thải ra mương, suối, rãnh công cộng. Mỗi hộ gia đình phải có hệ thống đường dẫn thải riêng và có lưới lọc, đảm bảo khơi thông cống rãnh định kỳ tránh gây tắc nghẽn ảnh hưởng đến môi trường chung.

Điều 8: Việc sử dụng hoá chất trong sản xuất nhất thiết phải tuân thủ các quy định đã được chỉ dẫn về chủng loại, an toàn, theo đúng quy trình kỹ thuật về sử dụng và lưu trữ, bảo quản.

Điều 9: Các hoạt động gây ô nhiễm do chất thải sản xuất và sinh hoạt, thải bỏ chất thải không đúng quy định thì tùy theo

mức độ mà chính quyền xã sẽ chỉ đạo và áp dụng biện pháp nhắc nhở, xử phạt theo Điều 13 của Quy định này.

Điều 10: Nghiêm cấm việc thải bỏ các chất thải độc hại bừa bãi vào nguồn nước của địa phương. Trường hợp vi phạm mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì xem xét xử phạt hành chính theo như Điều 13 của Quy định này.

Điều 11: Quy hoạch, sử dụng khuôn viên trong gia đình một cách hợp lý: khoảng cách, vị trí giữa khu vực sản xuất, giếng nước, khu vệ sinh, khu nhà ở, khoảng cách giữa vị trí lưu giữ, bảo quản nguyên vật liệu, hoá chất... nhằm đảm bảo sức khoẻ cũng như cảnh quan môi trường nơi sinh sống và không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của các hộ gia đình xung quanh.

Khuyến khích các hộ gia đình trồng cây xanh trong vườn, vừa mang lại hiệu quả kinh tế, vừa cải thiện môi trường sống và tạo mỹ quan nơi ở, làng xóm.

Điều 12: UBND xã, các làng, xóm, thôn, bản thống nhất tổ chức triển khai tuyên truyền, ký cam kết tới từng hộ gia đình, cơ sở sản xuất thực hiện thu gom, xử lý, tái sử dụng chất thải.

Điều 13: Khen thưởng và xử phạt

(Căn cứ vào Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường)

13.1. Khen thưởng

Mọi cơ sở, hộ gia đình và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý chất thải sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn xã đều được UBND xã xem xét khen thưởng theo hình thức hàng năm hoặc đột xuất. Mức thưởng tiền không vượt quá 500.000 đồng/lần.

13.2. Xử phạt

Những hành vi cố tình gây ô nhiễm môi trường như xả thải chất thải sản xuất và sinh hoạt bừa bãi vào môi trường... thì tùy theo tính chất mà cấp quản lý thôn, bản, làng nhắc nhở hoặc UBND xã cảnh cáo, xử phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng/lần. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm nhưng khó xác định tính chất, mức độ thì cán bộ kiêm nhiệm về môi trường lập hồ sơ để xã chuyển lên cấp có thẩm quyền cao hơn xem xét giải quyết, đồng thời thông báo về hành vi vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã.

Chương III: Tổ chức thực hiện

Điều 14: Trách nhiệm của chính quyền cấp xã

- Thường trực UBND xã trực tiếp chỉ đạo việc đôn đốc, duy trì và tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Quy định.
- Giao cho các ông (bà) cán bộ văn hóa, trạm trưởng y tế, trưởng công an xã, các trưởng thôn, trưởng bản, các bậc chức sắc, cán bộ tài chính kế toán, cán bộ địa chính phối hợp với cán bộ chuyên trách về môi trường tham mưu cho UBND xã chỉ đạo thực hiện thống nhất, có hiệu quả Quy định này.

Điều 15: Trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ chuyên trách (kiêm nhiệm) về môi trường

*** Trách nhiệm**

- Cán bộ chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) về môi trường là người được xã cử ra làm nhiệm vụ quản lý thống nhất công tác quản lý môi trường làng nghề trên phạm vi xã quản lý.
- Thường xuyên nắm bắt những hoạt động có nguy cơ hoặc đang gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe người dân, người lao động để đề xuất phương án giải quyết đúng đắn, kịp thời. Gương mẫu thực hiện và tuyên truyền, giáo dục nhân

dân trong xã thực hiện sản xuất bền vững.

- Xây dựng ý thức tự học tập, không ngừng nâng cao nhận thức về môi trường và quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất.

- Phối hợp chặt chẽ với các cán bộ, cơ quan chuyên trách, tổ chức nhân dân của xã và thôn trong giám sát và triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất.

*** Quyền hạn**

- Được tham gia học tập, tập huấn nâng cao trình độ nhận thức về môi trường và quản lý môi trường nói chung, môi trường trong sản xuất (loại hình đặc thù của làng nghề) nói riêng.

- Yêu cầu mọi người thực hiện đúng Quy định của xã về quản lý môi trường. Được quyền nhắc nhở những trường hợp vi phạm Quy định.

- Lập biên bản xác nhận những trường hợp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên phạm vi xã.

- Kiến nghị với UBND xã những vấn đề có liên quan tới môi trường của xã; kiến nghị hình thức khen thưởng, xử phạt những trường hợp có thành tích hoặc vi phạm nội dung Quy định về vệ sinh môi trường của xã.

- Được quyền xây dựng, tham mưu những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Quy định và những hoạt động bảo vệ môi trường trình UBND xem xét, phê duyệt.

Điều 16: Các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn xã phải thực hiện đúng nội dung Quy định về quản lý môi trường làng nghề. Những hành vi vi phạm trong quản lý môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Phát hiện những gương người tốt, việc tốt để khen thưởng kịp thời và tuyên dương cho mọi người học tập.

Điều 17: Hàng năm, xã dành một khoản ngân sách hỗ trợ công tác triển khai thực hiện Quy định về quản lý môi trường

Trong quá trình thực hiện có gì chưa phù hợp, vướng mắc thì báo cáo UBND xã xem xét để điều chỉnh nội dung Quy định cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
2. Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường CCN, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo môi trường quốc gia 2008.
4. Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
5. Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định về BVMT làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội.
6. Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 8/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.
7. Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

8. Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

SỔ TAY XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

THAM GIA BIÊN SOẠN

ThS. Nguyễn Việt Dũng (chủ biên)

ThS. Cao Minh Tuấn

TS. Trần Thanh Chi*

TS. Nguyễn Thị Thu Hương*

ThS. Phạm Thu Phương*

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai

KS. Vũ Thị Như Ngọc

TS. Nguyễn Thị Thành Vinh

Ảnh: Trần Quang Đức

() Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường,
Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.*

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Trụ sở: Số 9, ngõ 26, phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa,
quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024).66860751 – (024).66810754 –
(024).66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

In 1.200 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần quốc tế Tân Nga

Địa chỉ: Số 112, ngõ 150 Kim Hoa, Phường Liên, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 4499-2021/CXBIPH/3-129/DT

Số quyết định: 2127/QĐXB-NXBDT ngày 07 tháng 12 năm 2021

Mã ISBN: 978-604-344-632-6

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021

SÁCH KHÔNG BÁN

